

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hào

2. Ông Ngô Sỹ Lượng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Hồ Văn Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trọng M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 12 năm 1982, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L (đã chết), con bà Mai Thị N, sinh năm: 1958; Vợ: Cao Thị Quỳnh N1, sinh năm: 1983; con: Có 02 con, lớn sinh năm: 2009, nhỏ sinh năm: 2015; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 đến ngày 07/9/2023 thì được tại ngoại. Có mặt

- Người bị hại: Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1986

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Mai Thị N, sinh năm: 1958

Trú tại: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Có mặt

- Người chứng kiến

Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm: 1969

Trú tại: Khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng M là nhân viên bảo vệ khách sạn G. Vào khoảng 21 giờ ngày 27/01/2023, Nguyễn Trọng M một mình đi qua phòng số 15, khu vực tầng 1, dãy nhà ba tầng của khách sạn G thì thấy đèn điện trong phòng bật sáng, cửa chính và cửa sổ đều được chốt trong, M nhìn qua cửa sổ làm bằng kính trong suốt thì thấy rèm che phía trong không được kéo kín, bên trong phòng có một đôi nam, nữ đang quan hệ tình dục với nhau trên giường, cả hai đều không mặc quần áo. Thấy vậy M đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+, bên trong chứa sim số 0337304561 của mình để quay lại quá trình quan hệ tình dục của hai người này. Nguyễn Trọng M đã quay được hai đoạn Video (một đoạn dài khoảng 21 phút, một đoạn dài khoảng 3 phút). Sau khi quay Video xong, M đi ra trước sảnh khách sạn thì thấy hai chiếc xe máy, M dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh biển kiểm soát của hai chiếc xe máy này. Sau đó M đi về phòng bảo vệ ngủ.

Ngày hôm sau, M đi về nhà mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s của bà Mai Thị N (là mẹ của M) để quay lại đoạn Video dài 21 phút từ máy của Nguyễn Trọng M, sau đó gửi đoạn Video từ máy của bà N sang máy của M để lưu giữ rồi xóa đoạn Video trên trong máy của bà Mai Thị N.

Đến khoảng tháng 6 năm 2023, M thấy một người phụ nữ điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 37H1-685.50 (là chiếc xe máy mà M đã phát hiện ở sảnh khách sạn vào ngày 27/01/2023). Nên M đã đi theo người phụ nữ này đến khu vực chợ H thị xã T, khi đến nơi M dò hỏi một số người xung quanh thì biết người phụ nữ này tên là Hoàng Thị T, trú tại khối T, phường H, thị xã T nên M đã tìm hiểu và xin được số điện thoại của chị T.

Vào ngày 01/7/2023, Nguyễn Trọng M đã liên lạc với chị Hoàng Thị T theo số điện thoại 0366.909.204 rồi kết bạn Zalo với chị T. Quá trình liên hệ trao đổi, M đã gửi Video, hình ảnh quá trình quan hệ tình dục giữa chị Hoàng Thị T với một người đàn ông, đến tài khoản Zalo của chị Hoàng Thị T với mục đích gây hoang mang, lo sợ và uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của chị Hoàng Thị T. Khi chị T trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn thì Nguyễn Trọng M yêu cầu chị T chuyển khoản cho M số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) và được quan hệ tình dục với chị T một lần. Do lo sợ bị phát tán các hình ảnh và Video nhạy cảm, nên các ngày 02/7/2023, 03/7/2023 và ngày 04/7/2023 chị Hoàng Thị T đã sử dụng tài khoản số 0181000951580 thuộc ngân hàng V (mang tên Hoàng Thị T) chuyển vào tài khoản số 51310000528263 thuộc ngân hàng B của Nguyễn Trọng M, lần lượt với số tiền là 5.000.000đ, 2.700.000đ và 2.000.000đ rồi yêu cầu Nguyễn Trọng M xóa Video, hình ảnh riêng tư, nhạy cảm nói trên của chị T. Sau khi chiếm đoạt của chị T với tổng số tiền là 9.700.000đ thì Nguyễn Trọng M vẫn yêu cầu gặp trực tiếp để quan hệ tình dục với chị T một lần thì mới xóa những Video, hình ảnh nói trên

nhưng chị T không đồng ý. Nhận thấy sự việc trở nên nghiêm trọng nên vào ngày 06/7/2023 chị Hoàng Thị T đã trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Trọng M.

Tại bản Cáo trạng số: 52CT-VKS ngày 18 tháng 9 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Nguyễn Trọng M về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170- BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 65- BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M từ 18 (mười tám) đến 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 40 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Trọng M và gia đình đã trả lại cho chị Hoàng Thị T số tiền 9.700.000đ, nay chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung Galaxy J6+, màu đỏ, số IMEI1: 354402102923414, số IMEI 2: 354403102923412, lắp sim điện thoại số 0337.304.561 ở khe sim thứ hai, đã qua sử dụng, bề mặt điện thoại có nhiều vết xước, vỡ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở xác định được vào ngày 01/7/2023 Nguyễn Trọng M đã gọi điện

cho chị Hoàng Thị T và gửi video, hình ảnh quá trình chị Hoàng Thị T quan hệ tình dục với một người đàn ông ở khách sạn G mà bị cáo đã quay được vào 21 giờ ngày 27/01/2023. Bị cáo Nguyễn Trọng M gửi hình ảnh, video cho chị T nhằm tạo tâm lý hoang mang, lo sợ và uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt của chị Hoàng Thị T số tiền 9.700.000đ (chín triệu, bảy trăm nghìn đồng). Nền hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng M đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 170- BLHS, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng hình ảnh nhạy cảm của người khác để uy hiếp về tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị. Tuy nhiên với thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn có tình thực hiện. Vì vậy đối với bị cáo cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Tại cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã kịp thời tác động với gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại. Trong công tác năm 2011 bị cáo được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang. Do đó, bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51- Bộ luật hình sự nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/VNHN - TANDTC ngày 07/9/2022, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 - BLHS như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170- BLHS thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị T số tiền 9.700.000đ. Trong quá trình điều tra cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vật chứng vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung Galaxy J6+, màu đỏ, số IMEI1: 354402102923414, số IMEI 2: 354403102923412,

lắp sim điện thoại số 0337.304.561 ở khe sim thứ hai, đã qua sử dụng, bề mặt điện thoại có nhiều vết xước, vỡ. Xét đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[7] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s của bà Mai Thị N mà bị cáo đã mượn để quay lại đoạn video từ máy bị cáo. Quá trình cho bị cáo mượn điện thoại bà N không biết bị cáo dùng để quay, trên máy bà N cũng không còn lưu giữ video mà bị cáo đã quay. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Mai Thị N.

Đối với hành vi quay, tàng trữ video hình ảnh quan hệ tình dục của chị Hoàng Thị T, bị cáo không nhằm mục đích phát tán, phổ biến nên hành vi này không cấu thành tội “truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy”.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 65 - BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng M về cho UBND phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo M thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 - Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo M cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+, màu đỏ, số IMEI 1: 354402102923414; số IMEI 2: 354403102923412, lắp sim điện thoại số 0337.304.561 ở khe sim thứ 2, đã qua sử dụng, bề mặt điện thoại có nhiều vết xước, vỡ thu giữ của Nguyễn Trọng M.

Tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng lập vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 19/9/2023, giữa Công an thị xã T và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Xuân Quyền